THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 886/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật bảo vệ và phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2011/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2011 của Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 2 về kết thúc việc thực hiện Nghị quyết số 08/1997/QH10 và Nghị quyết số 73/2006/QH11 về Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao năng suất, chất lượng và phát huy giá trị của từng loại rừng, tăng giá trị rừng sản xuất trên đơn vị diện tích; góp phần đáp ứng các yêu cầu về giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo, cải thiện sinh kế

cho người dân làm nghề rừng, gắn với tiến trình xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

a) Tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt từ 5,5% đến 6,0%/năm;

b) Tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc đạt 42%, diện tích rừng các loại đạt 14,4 triệu ha;

c) Năng suất rừng trồng bình quân đạt 20 m^3/ha/năm;

d) Giá trị xuất khẩu đồ gỗ và lâm sản đạt từ 8,0 đến 8,5 tỷ USD;

đ) Duy trì ổn định 25 triệu việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho người làm nghề rừng, gắn với xây dựng nông thôn mới và đảm bảo an ninh, quốc phòng.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi của Chương trình

Các bộ, ngành trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có dự án thuộc đối tượng đầu tư của chương trình; trong đó tập trung ưu tiên hỗ trợ các địa phương khó khăn, chưa cân đối được ngân sách.

2. Đối tượng của Chương trình

a) Đối tượng thụ hưởng: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia bảo vệ và phát triển rừng;

b) Đối tượng thực hiện: Người dân và cộng đồng dân cư thôn, bản; hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương; doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, xã hội.

3. Thời gian thực hiện Chương trình: Từ năm 2016 đến hết năm 2020.

III. CÁC NHIỆM VỤ CHÍNH

1. Bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên

a) Bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có và rừng được tạo mới trong giai đoạn 2016 - 2020;

b) Đảm bảo 15% diện tích hệ sinh thái rừng bị suy thoái được phục hồi và bảo tồn, đặc biệt là hệ thống rừng đặc dụng; đến năm 2020, tăng thêm khoảng 100.000 ha rừng đặc dụng. Số lượng loài nguy cấp, quý, hiếm bị đe dọa tuyệt chủng và số lượng quần thể các loài được cải thiện;

c) Tăng cường năng lực thực thi pháp luật, giảm căn bản tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, trong đó diện tích rừng bị thiệt hại và số vụ vi phạm giảm 30 - 35% so với giai đoạn 2011 - 2015.

2. Phát triển và nâng cao năng suất, chất lượng rừng

a) Trồng mới và trồng lại rừng sau khai thác: 1.025.000 ha; trong đó: 75.000 ha rừng phòng hộ, đặc dụng; 200.000 ha rừng trồng thâm canh gỗ lớn;

b) Khoanh nuôi tái sinh rừng: 360.000 ha/năm;

c) Trồng cây phân tán: 250 triệu cây;

d) Chuyển hóa rừng trồng, kinh doanh gỗ nhỏ thành rừng kinh doanh gỗ lớn: 90.000 ha;

đ) Tỷ lệ diện tích rừng trồng được kiểm soát chất lượng giống: 75 - 80%.

3. Nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm lâm nghiệp

a) Phát triển công nghiệp chế biến gỗ thông qua việc hỗ trợ xây dựng các nhà máy chế biến gỗ, các khu lâm nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ tại các vùng kinh tế trọng điểm;

b) Tăng tỷ trọng đầu tư, phát triển hệ thống cơ sở, hạ tầng và dịch vụ trong lâm nghiệp, đặc biệt là hệ thống đường vận xuất, vận chuyển nhằm giảm chi phí trực tiếp cho các hoạt động trồng, khai thác, vận chuyển và chế biến sản phẩm từ rừng;

c) Hỗ trợ cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững: 100.000 ha rừng/năm, đảm bảo sản phẩm gỗ của Việt Nam đủ điều kiện đáp ứng được yêu cầu quốc tế khi tham gia các hiệp định thương mại tự do.

IV. NỘI DUNG ĐẦU TƯ

Tại mỗi bộ, ngành, địa phương xây dựng, triển khai các dự án thành phần, nội dung đầu tư chủ yếu, bao gồm:

1. Đầu tư bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng, đặc biệt là hệ thống rừng đặc dụng; bảo tồn voi và một số loài động, thực vật hoang dã, quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng.

2. Đầu tư phát triển và nâng cao năng suất, chất lượng rừng: Phát triển giống cây lâm nghiệp; trồng rừng phòng hộ, đặc dụng, sản xuất; trồng cây phân tán; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng; phát triển lâm sản ngoài gỗ.

3. Đầu tư hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông nội vùng, công nghiệp chế biến gỗ, dịch vụ lâm nghiệp và nâng cao giá trị sản phẩm ngành Lâm nghiệp, cụ thể:

a) Hỗ trợ xây dựng đường lâm nghiệp cho các đơn vị, địa phương có vùng nguyên liệu tập trung ở những vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn; đầu tư,

nâng cấp trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng; xây dựng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng và dịch vụ nhằm phục vụ công tác bảo vệ rừng tại các Ban Quản lý rừng;

b) Đầu tư xây dựng khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao và tiếp thị lâm sản (01 miền Bắc, 01 miền Trung và 01 miền Nam); hỗ trợ đầu tư chế biến gỗ rừng trồng cho các tỉnh Tây Bắc, các tỉnh có huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ.

4. Đầu tư, tăng cường năng lực quản lý và điều phối, giám sát ngành lâm nghiệp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tiếp xây dựng, triển khai các dự án:

a) Điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng quốc gia nhằm đánh giá trữ lượng, chất lượng rừng và các chỉ tiêu sinh thái rừng toàn quốc, đánh giá trữ lượng các-bon rừng phục vụ xây dựng chính sách, chiến lược, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia và chi trả dịch vụ môi trường rừng, giảm phát thải do mất rừng, suy thoái rừng (REDD+) và thực hiện các cam kết quốc tế;

b) Hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ quản lý rừng bền vững;

c) Giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020 nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý đầu tư công, quản lý dự án của toàn bộ chương trình; thiết lập hệ thống theo dõi, đánh giá đầu tư công đến từng dự án cụ thể; tăng cường, nâng cao năng lực giám sát đầu tư, năng lực báo cáo từ cơ quan trung ương đến địa phương, điều phối các nhiệm vụ/nội dung hoạt động của Chương trình theo đúng mục tiêu và kế hoạch.

V. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Tổng mức vốn thực hiện Chương trình: 59.600 tỷ đồng, trong đó:

1. Ngân sách trung ương cho Chương trình: 14.575 tỷ đồng, bao gồm: Vốn đầu tư phát triển 9.460 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 5.115 tỷ đồng. Trường hợp vốn đầu tư phát triển bố trí không đủ trong giai đoạn, cho phép kéo dài thời gian để thực hiện.

2. Vốn ODA và các nguồn vốn hợp pháp khác: Khoảng 45.025 tỷ đồng.

VI. CÁC GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật

a) Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin truyền thông về giá trị kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh quốc phòng của rừng;

b) Tăng cường giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao ý thức bảo vệ rừng của người dân; vận động các hộ gia đình sống trong và gần rừng ký cam kết bảo vệ rừng; xây dựng và thực hiện các quy ước bảo vệ rừng; thay đổi nhận thức, tập quán kinh doanh, sản xuất lâm nghiệp quảng canh sang thâm canh, kết hợp sản xuất gỗ nhỏ và gỗ lớn.

2. Quản lý quy hoạch rừng và đất lâm nghiệp

a) Nâng cao chất lượng xây dựng quy hoạch, đảm bảo thực hiện các định hướng Chiến lược phát triển Lâm nghiệp đến năm 2020; đồng thời, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch;

b) Hoàn thành rà soát, đánh giá quy hoạch tổng thể rừng cấp quốc gia và cấp vùng, xác định rõ lâm phận ổn định quốc gia; các địa phương tổ chức rà soát thực trạng quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp, kịp thời điều chỉnh những bất hợp lý, thống nhất giữa quy hoạch rừng trên bản đồ và trên thực địa, giữa ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với ngành Tài nguyên và Môi trường;

c) Quy hoạch, bố trí hợp lý các nhà máy theo các vùng, trong đó ưu tiên xây dựng các nhà máy chế biến gỗ ở miền núi có đủ nguyên liệu để góp phần tạo việc làm, thu nhập cho người dân, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn miền núi;

d) Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất lâm nghiệp sang mục đích khác, xử lý kiên quyết các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai và việc mua bán đất lâm nghiệp trái pháp luật. Chính quyền địa phương có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát thực hiện đầy đủ việc trồng rừng thay thế đối với các dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định hiện hành;

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp tục đẩy mạnh giao, cho thuê rừng cho tổ chức, cộng đồng dân cư thôn, hộ gia đình, cá nhân; đảm bảo tất cả diện tích rừng có chủ quản lý cụ thể và thực hiện phương thức đồng quản lý trong quản lý rừng; tạo điều kiện tích tụ đất lâm nghiệp tạo vùng nguyên liệu chủ yếu bằng phương thức liên kết, liên doanh trồng rừng và doanh nghiệp chế biến.

3. Huy động các nguồn vốn

Thực hiện xã hội hóa, đa dạng hóa trong huy động các nguồn vốn để triển khai thực hiện Chương trình, bảo đảm bố trí vốn đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu đã được quy định; tăng cường huy động vốn từ ngân sách địa phương và các nguồn huy động đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân,

đối tượng thụ hưởng. Ưu tiên sử dụng vốn ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

4. Kiện toàn, đổi mới tổ chức sản xuất

a) Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp, theo phương án tổng thể của các tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Nghị quyết số 19/2016/NQ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết số 35/2016/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020;

b) Tổ chức sản xuất lâm nghiệp theo chuỗi sản phẩm từ trồng rừng, thu mua nguyên liệu, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; thúc đẩy, cơ chế khuyến khích việc hình thành các doanh nghiệp quy mô vừa và lớn ở từng vùng kinh tế; lấy các doanh nghiệp mạnh hiện có làm trung tâm liên kết chuỗi sản xuất đối với mỗi sản phẩm chủ lực, nhất là sản phẩm xuất khẩu;

c) Khuyến khích hình thành hiệp hội ngành hàng, chuyển giao một số chức năng dịch vụ công của Nhà nước cho các hiệp hội (xúc tiến thương mại, khuyến lâm, dự báo thị trường, tiêu chuẩn chất lượng, xử lý tranh chấp,...);

d) Xây dựng, nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác trong lâm nghiệp; thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi về thể chế để nông dân, hộ gia đình góp cùng doanh nghiệp tổ chức sản xuất lâm nghiệp quy mô lớn theo mô hình "cánh đồng lớn". Phát huy vai trò của trang trại, gia trại lâm nghiệp; khai thác và phát huy lợi thế của nền lâm nghiệp nhiệt đới, xây dựng và phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn;

đ) Phát triển và khai thác mạnh mẽ thị trường tiêu thụ gỗ và sản phẩm gỗ trong nước, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp thương mại và chế biến lâm sản nội địa;

e) Đẩy mạnh công tác quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ gỗ rừng trồng theo tiêu chuẩn của Việt Nam phù hợp với quy định, thông lệ của quốc tế.

5. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học công nghệ

Tập trung nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành, loại bỏ những nghiên cứu tách rời nhu cầu thực tiễn, thực hiện bằng

phương thức đặt hàng là chủ yếu. Ưu tiên các nghiên cứu cải thiện giống cây trồng và thâm canh rừng, giống nhập nội có chất lượng cao, giống biến đổi gen phục vụ phát triển rừng sản xuất, công nghệ chế biến sau dăm gỗ và sản phẩm phụ trợ thay thế hàng nhập khẩu; xây dựng các quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành. Có cơ chế gắn kết các tổ chức nghiên cứu khoa học với doanh nghiệp và người trồng rừng. Kết hợp nghiên cứu với đào tạo và khuyến lâm, giữa sản xuất và chế biến tiêu thụ sản phẩm tạo thành chuỗi nghiên cứu khép kín trong đào tạo.

6. Phát triển nguồn nhân lực

Khuyến khích, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp và các tổ chức đào tạo thực hiện hợp tác và hỗ trợ nhau trong đào tạo, nâng cao kỹ năng cho lao động của doanh nghiệp. Mở rộng các hình thức đào tạo nghề gắn với chuyển giao công nghệ mới, kỹ thuật và quy trình sản xuất mới cho các hộ nông dân; tăng cường các hình thức đào tạo trong và ngoài nước cho cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu và cán bộ để tăng cường và bổ sung đội ngũ các nhà doanh nghiệp kinh doanh gỗ giỏi trên thương trường quốc tế.

7. Hợp tác quốc tế và xúc tiến thương mại

Chủ động hội nhập, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế; có biện pháp bảo vệ thị trường nội địa hợp lý, phát triển thị trường xuất khẩu lâm sản phù hợp với luật pháp quốc tế. Xây dựng quan hệ đối tác, dựa trên tiềm năng, lợi thế của từng tổ chức quốc tế và quốc gia, tổ chức vận động thu hút viện trợ, công nghệ và đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Mở rộng hợp tác quốc tế, đẩy mạnh công tác tiếp thị thương mại, đàm phán các hiệp định kỹ thuật, mở rộng thị trường quốc tế.

Tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ quốc tế, đặc biệt là nguồn hỗ trợ, chi trả cho dịch vụ hấp thụ Các-bon rừng. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường. Thực hiện đổi mới trong quản lý lưu thông hàng hóa lâm sản; đảm bảo nguồn gốc hợp pháp, khuyến khích, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh và đảm bảo hài hòa lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng; tạo động lực thị trường, thúc đẩy sản xuất lâm nghiệp trong nước phát triển.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Về điều hành, quản lý chương trình

a) Ở trung ương

- Thành lập Ban Chỉ đạo nhà nước về Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên cơ sở Ban Chỉ đạo nhà nước về Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020 do 01 Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó Trưởng ban, các ủy viên là lãnh đạo các bộ, ngành liên quan.

- Văn phòng giúp Ban Chỉ đạo nhà nước về Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020, đồng thời giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quản lý, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Chương trình trên cơ sở kiện toàn Văn phòng Ban Chỉ đạo nhà nước về Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020.

b) Ở địa phương

- Thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên cơ sở Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020 do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban, Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó Trưởng ban.

- Văn phòng thường trực Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững cấp tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 đặt tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Ban Chỉ đạo cấp tỉnh tổ chức thực hiện Chương trình và quản lý các dự án thuộc Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020 tại địa phương.

c) Cơ chế quản lý, điều hành thực hiện Chương trình: Thực hiện theo quy chế quản lý, điều hành và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quy định.

2. Trách nhiệm của các bộ, ngành trung ương

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chủ trì Chương trình)

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện Chương trình.

- Tổng hợp, xây dựng kế hoạch và phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các Bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thực hiện

Chương trình hàng năm, 3 năm, 5 năm, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính để tổng hợp.

- Chủ trì tổng hợp xây dựng phương án giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể hàng năm, 3 năm, 5 năm để thực hiện Chương trình cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chủ trì hướng dẫn các bộ, ngành có liên quan và các địa phương thực hiện có hiệu quả Chương trình giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch hàng năm để hoàn thành các mục tiêu của Chương trình.

- Chủ trì xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá Chương trình và hướng dẫn các cơ quan thực hiện về quy trình giám sát, đánh giá Chương trình.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu chính phủ, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thuộc Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình; xây dựng quy định về duy tu, bảo dưỡng các công trình lâm nghiệp.

- Tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ phân công nhiệm vụ cụ thể, chỉ đạo tăng cường sự phối hợp của các bộ, ngành và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng các đoàn thể chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển để thực hiện Chương trình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu chính phủ, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thuộc Chương trình.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện Chương trình.

- Thực hiện các nhiệm vụ của thành viên Ban Chỉ đạo nhà nước về Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020 theo phân công của Trưởng Ban chỉ đạo.

c) Bộ Tài chính

- Chủ trì cân đối, bố trí vốn sự nghiệp để thực hiện Chương trình trên cơ sở tổng hợp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Chủ trì xây dựng quy định về cơ chế tài chính, thanh quyết toán các nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí đủ vốn đầu tư phát triển để thực hiện Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hàng năm.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu chính phủ, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thuộc Chương trình.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện Chương trình.

- Thực hiện các nhiệm vụ của thành viên Ban Chỉ đạo nhà nước về Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020 theo phân công của Trưởng Ban chỉ đạo.

d) Bộ Tài nguyên và Môi trường

Xác định ranh giới, diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp đến năm 2020 để sử dụng cho mục đích phát triển rừng; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành giao đất gắn với giao rừng cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình theo quy hoạch được phê duyệt.

đ) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kiểm tra, giám sát các ngân hàng thương mại trong việc thực hiện chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn, góp phần thực hiện Chương trình.

e) Các cơ quan thông tin truyền thông có trách nhiệm tuyên truyền phục vụ yêu cầu của Chương trình.

3. Trách nhiệm của các địa phương

a) Ủy ban nhân dân tỉnh

- Tổng hợp, xây dựng các dự án trên địa bàn, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính có ý kiến về nội dung đầu tư và khả năng cân đối vốn trước khi phê duyệt.

- Xây dựng, phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình hàng năm, 3 năm, 5 năm theo từng dự án, bao gồm: Kế hoạch vốn, mục tiêu, nhiệm vụ gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan theo quy định.

- Tổ chức triển khai; giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cấp và các ban, ngành trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

- Ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn tổ chức triển khai Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo rà soát và điều phối Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững cấp huyện trên địa bàn để phù hợp với kế hoạch phát triển Lâm nghiệp bền vững chung của tỉnh.

- Quy hoạch và thúc đẩy phát triển các vùng sản xuất lâm nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn tỉnh theo hướng liên kết chuỗi giá trị phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành lâm nghiệp.

b) Cơ quan thường trực Chương trình cấp tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch vốn, phân bổ vốn thực hiện Chương trình hàng năm theo kế hoạch trung hạn của tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Trên cơ sở chỉ tiêu phấn đấu, nhiệm vụ và nguồn vốn ngân sách hàng năm được giao, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phương án giao chỉ tiêu phấn đấu, nhiệm vụ cụ thể cho các huyện, trình Hội đồng nhân dân quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất tình hình sử dụng nguồn vốn ngân sách hỗ trợ trực tiếp và các nguồn vốn huy động khác để thực hiện Chương trình;

- Tổng hợp kết quả phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước của Chương trình trên địa bàn tỉnh theo từng nội dung, lĩnh vực để báo cáo Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Chương trình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc